

Phần 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

Chương V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

“Điều khoản tham chiếu” bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

I. Giới thiệu

1.1. Mô tả khái quát về dự án và gói thầu

1.1.1. Mô tả khái quát về dự án

- Tên dự án: Khu tái định cư tại thị trấn Dầu Giây, huyện Thống Nhất.
- Mã số thông tin công trình: 7526321182300
- Nhóm dự án: Nhóm B.
- Loại, cấp công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp II (Giao thông, cấp II; Hạ tầng kỹ thuật, cấp II; Công nghiệp, cấp IV).
- Địa điểm xây dựng: Phường Dầu Giây, thành phố Đồng Nai (trước đây là thị trấn Dầu Giây, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai cũ).
- Nguồn vốn: Ngân sách thành phố.
- Chủ đầu tư: Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Đồng Nai.
- Đơn vị lập E-HSMT và đánh giá E-HSDT: Tổ Chuyên gia thuộc Công ty TNHH Thương mại Xây dựng DC
- Mục tiêu đầu tư: Xây dựng khu tái định cư nhằm phục vụ tái định cư liên huyện cho những hộ dân bị ảnh hưởng khi triển khai các dự án trọng điểm của tỉnh (nay là thành phố Đồng Nai), dự án quan trọng quốc gia, đặc biệt là những dự án đi qua khu vực thị trấn Dầu Giây (nay là phường Dầu Giây) và địa bàn huyện (huyện Thống Nhất cũ). Đồng thời là cơ sở, tiền đề cho việc đẩy nhanh hoàn thành các dự án phát triển hạ tầng giao thông, văn hoá - xã hội của thị trấn Dầu Giây và huyện Thống Nhất.
- Quy mô đầu tư: Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật đồng bộ khu tái định cư trong ranh có diện tích khoảng 45,93ha (không bao gồm diện tích dự án Đường trục chính D4+D5 (Đường D4); dự án Đường tránh ngã tư Dầu Giây (Đường D6); dự án Đường trục chính N12 (Đường N12 do Ban Quản lý dự án Khu vực 04 làm Chủ đầu tư)). Đầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật gồm có các hạng mục: San nền; Đường giao thông – cây xanh; hệ thống thoát nước mưa, cấp nước, thoát nước thải, cấp điện (trung thế, hạ thế, trạm biến áp, chiếu sáng), thông tin liên lạc, hào kỹ thuật; trạm xử lý nước thải.
- Giải pháp thiết kế:
 1. San nền:
 - Chỉ thực hiện san lấp trong các lô đất (còn san nền phần đường giao thông được tính riêng trong hạng mục giao thông), cao độ san nền từ cao độ +161,97m

đến cao độ +185,04m, hướng dốc san nền hướng từ phía Đông Bắc về phía Tây Nam.

- Vật liệu san lấp: Sử dụng khối lượng đất đào tại chỗ để san lấp, khi san lấp mặt bằng các lô chức năng, cần dọn dẹp mặt bằng và nạo vét hữu cơ chiều dày 20cm.

- Đối với lô đất công viên cây xanh không nạo vét lớp đất hữu cơ và tái sử dụng lại phần đất hữu cơ của dự án để đắp.

- Độ chặt san nền yêu cầu: $K \geq 0,90$.

- Lưới san lấp tính toán khối lượng san nền có kích thước 10mx10m.

- Hướng dốc san nền: Từ Đông Bắc xuống Tây Nam dự án.

2. Đường giao thông:

2.1. Bình đồ tuyến:

- Bình đồ tuyến được thiết kế tuân thủ theo đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/500 đã phê duyệt.

2.2. Thiết kế mặt cắt ngang:

- Bảng thống kê hệ thống giao thông:

STT	Tên đường	Chiều dài (m)	Chiều rộng (m)		Lộ giới
			Mặt đường	Via hè	
1	Đường D7	610,75	14,00	2x7	28,00
2	Đường M7	611,75	12,00	2x6	24,00
3	Đường N11	916,88	12,00	2x7	26,00
II	Giao thông đối nội				
1	Đường D4A	198,00	7,00	2x4	15,00
2	Đường D4B	342,74	7,00	2x4	15,00
3	Đường D6A	588,69	7,00	2x4	15,00
4	Đường D6B	188,00	7,00	2x4	15,00
5	Đường D6C	188,00	7,00	2x4	15,00
6	Đường D6D	163,06	7,00	2x4	15,00
7	Đường D6E	138,21	7,00	2x4	15,00
8	Đường D7A	175,78	7,00	2x4	15,00
9	Đường D7B	340,40	7,00	2x4	15,00
10	Đường N10A	431,45	7,00	2x4	15,00

11	Đường N10B	190,02	7,00	2x4	15,00
12	Đường N10C	189,87	7,00	2x4	15,00
14	Đường N10D	189,71	7,00	2x4	15,00
15	Đường N10E	550,36	7,00	2x4	15,00
16	Đường N11A	223,97	7,00	2x4	15,00
17	Đường N11B	132,00	7,00	2x4	15,00
18	Đường N11C	839,75	7,00	2x4	15,00
19	Đường N11D	146,94	7,00	2x4	15,00
20	Đường N11E	476,49	7,00	2x4	15,00
21	Đường N11F	224,67	7,00	2x4	15,00
22	Đường N11G	476,43	7,00	2x4	15,00

2.3. Trắc dọc:

- Cao độ thiết kế là cao độ tại tim đường.
- Cao độ thiết kế các tuyến đường tuân thủ theo cao độ khống chế của các nút giao theo đồ án quy hoạch được duyệt và tuân thủ theo cao độ bước thiết kế cơ sở được duyệt.

2.4. Kết cấu mặt đường:

Kết cấu mặt đường ($E_{yc} \geq 155$ Mpa đối với đường giao thông đối ngoại, $E_{yc} \geq 120$ Mpa đối với đường giao thông nội bộ); tải trọng trục tính toán tiêu chuẩn $P_{tt} = 100$ kN; vận tốc thiết kế = 50 km/h đối với đường giao thông đối ngoại, vận tốc thiết kế = 30 km/h đối với đường giao thông nội bộ; cấu tạo từ trên xuống như sau:

* Kết cấu mặt đường $E_{yc} = 155$ Mpa (Đường giao thông đối ngoại gồm Đường

N11, Đường M7, Đường D7):

- Bê tông nhựa C12.5, dày 5cm;
- Nhựa dính bám tiêu chuẩn 0,5 kg/m²;
- Bê tông nhựa C19, dày 6cm;
- Nhựa thấm bám tiêu chuẩn 1,0 kg/m²;
- Cấp phối đá dăm loại 1, dày 15cm;
- Cấp phối đá dăm loại 2, dày 15cm;
- Cấp phối đá dăm loại 2, dày 15cm;
- Đá mi dày 50cm, $K \geq 0,98$;

- Lớp kết cấu nền đường.

* Kết cấu mặt đường Eyc = 120 Mpa (Đường giao thông nội bộ gồm các tuyến đường còn lại):

- Bê tông nhựa C12.5, dày 7cm;
- Nhựa thấm bám tiêu chuẩn 1,0kg/m²;
- Cấp phối đá dăm loại 1, dày 15cm;
- Cấp phối đá dăm loại 2, dày 15cm;
- Đá mi dày 50cm, $K \geq 0,98$;
- Lớp kết cấu nền đường.

2.5. Vĩa hè, bó vỉa, bó nền:

a) Vĩa hè:

- Quy mô vỉa hè: Đầu tư hoàn chỉnh vỉa hè các tuyến đường theo lộ giới quy hoạch đã phê duyệt.

- Độ dốc vỉa hè: Dốc về phía mặt đường với độ dốc ngang 1,5%.

- Kết cấu vỉa hè từ trên xuống:

- + Lát gạch Terazzo kích thước 40x40x3cm;
- + Vữa đệm B5 (M75) dày 1,5cm;
- + Bê tông đá 1x2 B12,5 (M150) dày 5cm;
- + Giấy dầu lớp cách ly;
- + Cấp phối đá dăm loại 2 dày 10cm;
- + Nền đường đắp đất cấp 3, $K \geq 0,95$, vết hữu cơ 20cm.

- Bố trí các tấm lát dẫn hướng nơi giao cắt và lối đi giành cho người khuyết tật trên vỉa hè.

b) Bó vỉa: Bó vỉa nằm tiếp giáp giữa mặt đường xe chạy và phần vỉa hè. Kết cấu bê tông đá 1x2 B20 (M250) đặt trên lớp bê tông lót đá 1x2 B12,5 (M150) dày 10cm.

c) Bó nền: Bó nền dùng bê tông đá 1x2 B15 (M200) có kích thước BxH=10x20cm; bê tông lót móng đá 1x2 B12,5 (M150).

2.6. Hệ thống an toàn giao thông: Thiết kế an toàn giao thông theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 41:2024/BGTVT về Báo hiệu đường bộ.

2.7. Cây xanh:

- Cây xanh được bố trí phù hợp với tính chất khu ở, tạo mảng xanh và góp phần hình thành cảnh quan đường phố cây xanh được trồng là cây Móng bò tím và cây Giáng Hương.

- Hồ trồng cây trên vỉa hè bố trí giữa các lô đất nhà dân. Hồ trồng cây xanh

bằng bê tông đổ tại chỗ đá 1x2 B15 (M200) kích thước phủ bì 120cmx120cm, dày 10cm, cao 0,20m.

- Bố trí gạch xi măng hình số 8 kích thước 0,2x0,4m xung quanh hồ trồng cây.

3. Hệ thống thoát nước mưa:

3.1. Thoát nước trong ranh dự án: Trong phạm vi dự án, việc thoát nước mưa được phân chia thành 02 lưu vực chính:

- Lưu vực 01: Lưu lượng nước mưa được tính toán trên cơ sở tiếp nhận một phần lưu vực phía thượng nguồn về phía Đông Bắc ngoài ranh dự án và lưu vực về phía Bắc Đường N11 trong ranh dự án, nước mưa được thu gom vào các tuyến cống nhánh và được đầu nối vào tuyến cống Đường N11, từ đây nước mưa được dẫn theo hướng dốc chính từ Đông sang Tây hướng từ tuyến Đường D7 đến tuyến Đường D6, tại vị trí này hệ thống thoát nước mưa sẽ được đầu nối vào hệ thống cống thoát nước hiện hữu băng qua đường của Đường D6 (*đã được thi công hoàn thiện*), sau đó nước mưa tiếp tục được dẫn đến tuyến Đường D4 và tại đây nước mưa được đầu nối vào hệ thống cống hộp BxH(3000x3000) băng qua đường của Đường D4 (*đã được thi công hoàn thiện*).

- Lưu vực 02: Lưu lượng nước mưa được tính toán trên cơ sở tiếp nhận một phần lưu vực phía thượng nguồn về phía Đông ngoài ranh dự án và lưu vực về phía Nam Đường N11 trong ranh dự án, nước mưa được thu gom vào các tuyến cống nhánh và được đầu nối vào tuyến cống Đường N12, từ đây nước mưa được dẫn theo hướng dốc chính từ Đông sang Tây hướng từ tuyến Đường D7 đến tuyến Đường D6, tại vị trí này hệ thống thoát nước mưa sẽ được đầu nối vào hệ thống cống thoát nước hiện hữu băng qua đường của Đường D6 (*đã được thi công hoàn thiện*), sau đó nước mưa tiếp tục được dẫn đến tuyến Đường D4 và tại đây nước mưa được đầu nối vào hệ thống cống thoát nước hiện hữu băng qua đường của Đường D4 (*đã được thi công hoàn thiện*).

3.2. Thoát nước ngoài ranh dự án: Thoát nước mưa ngoài ranh dự án gồm có 02 vị trí. Một vị trí thoát nước tại cuối Đường N11 theo hồ sơ thiết kế cơ sở được phê duyệt và một vị trí bổ sung tại cuối Đường N12 (*Đường N12 do Ban Quản lý dự án Khu vực 04 làm chủ đầu tư*).

3.3. Giải pháp kết cấu chính:

- Hệ thống thoát nước mưa sử dụng cống tròn BTCT đường kính cống D600 ÷ D1500 và cống hộp BxH(2000x2000), BxH(2500x2500), BxH(3000x3000) đặt ngầm để tổ chức thoát nước mưa.

- Móng, gờ cống: Sử dụng gờ BTCT đúc sẵn đá 1x2 B15 (M200) đối với cống tròn; Móng cống hộp sử dụng bê tông đá 1x2 M200 (B15) dày 30cm, đặt trên lớp bê tông lót đá 1x2 B12,5 (M150) dày 10cm.

- Cống:

+ Sử dụng kết cấu cống tròn BTCT chế tạo theo công nghệ rung ép B22,5 (M300), sử dụng loại cống H30 - XB80 (bố trí dưới đường) và H10-X60 (bố trí dưới vỉa hè).

+ Cống hộp BxH(2000x2000), BxH(2500x2500), BxH(3000x3000) sử dụng cống hộp đúc sẵn bằng BTCT đá 1x2 B22,5 (M300) được chế tạo theo công nghệ va rung.

- Hồ ga: Thân hồ ga, giếng thu, giếng thăm hệ thống thoát nước mưa dùng BTCT đá 1x2 B20 (M250) dày 20cm; bê tông lót móng đáy giếng thu, giếng thăm bê tông đá 1x2 B12,5 (M150) dày 10cm.

- Nắp đan hồ ga, giếng thu, giếng thăm: Sử dụng nắp BTCT 1x2 B20 (M250).

4. Hệ thống cấp nước:

- Nguồn nước cấp cho dự án được lấy từ tuyến ống cấp nước hiện hữu DN800 trên Đường D6 do Công ty Cổ phần cấp nước Gia Tân quản lý và vận hành.

- Sử dụng ống HDPE làm đường ống cấp nước cho dự án, đường ống cấp nước chính sử dụng ống D200mm và D160mm, đường ống nhánh sử dụng ống D110mm và D63mm, đường ống cấp nước chủ yếu đi ngầm dưới vỉa hè, ngoài ra có 1 số đoạn đặt ở trong hào kỹ thuật.

- Trên các tuyến ống có bố trí các trụ cứu hỏa với khoảng cách các trụ không quá 150m/trụ để thuận tiện cho việc chữa cháy.

- Các đoạn ống đi băng qua đường sẽ được thiết kế thêm ống lồng STK.

- Mạng lưới ống cấp nước thiết kế dạng mạch vòng đảm bảo lượng cung cấp nước cho nhu cầu dùng nước hàng ngày và hệ thống PCCC của toàn dự án khi cần thiết.

- Hiện nay, hệ thống cấp nước dọc theo 02 tuyến Đường D6, Đường N12 chưa được đầu tư (*02 tuyến đường này nằm ngoài ranh dự án và do Ban Quản lý dự án Khu vực 04 làm chủ đầu tư*), do đó cần phải đầu tư bổ sung sớm nhằm đảm bảo đồng bộ hệ thống cấp nước để đảm bảo nhu cầu sử dụng cần thiết cho người dân khi dự án đưa vào sử dụng.

5. Hệ thống thoát nước thải:

- Hệ thống thu gom nước thải sử dụng cống BTCT có đường kính cống D300

÷ D600 đặt ngầm dưới vỉa hè để thu gom nước thải và dẫn về trạm xử lý được bố trí gần góc giao nhau giữa Đường N11 và Đường D4. Sau đó nước thải được xử

lý đạt tiêu chuẩn theo quy định mới được đấu nối vào hệ thống hố ga thoát nước mưa.

- Lưu lượng nước thải được thu gom từ các tuyến cống nhánh dẫn về các tuyến cống chính trên các tuyến Đường N11, Đường N11C, Đường M7, Đường D6, Đường D4B, Đường N12... dẫn đến trạm xử lý nước thải.

- Móng, gờ cống: Sử dụng gờ BTCT đúc sẵn đá 1x2 B15 (M200), đặt trên lớp bê tông lót đá 1x2 B12,5 (M150) dày 10cm.

- Cống: Sử dụng kết cấu cống tròn BTCT chế tạo theo công nghệ rung ép B22,5 (M300), sử dụng loại cống H30 - XB80 (bố trí dưới đường) và H10-X60 (bố trí dưới vỉa hè).

- Hố ga: Thân hố ga có $H < 2m$ Sử dụng bê tông đá 1x2 M250 (B20) dày 15cm; Thân hố ga có $H > 2m$ hầm ga được thiết kế bằng BTCT đá 1x2 M250 (B20) dày 15cm; bê tông lót móng bê tông đá 1x2 B12,5 (M150) dày 10cm.

- Nắp đan hố ga: Sử dụng nắp BTCT 1x2 B20 (M250) dày 6cm.

- Hiện nay, hệ thống thoát nước thải dọc theo 02 tuyến Đường D6, Đường N12 chưa được đầu tư (*02 tuyến đường này nằm ngoài ranh dự án và do Ban Quản lý dự án Khu vực 04 làm chủ đầu tư*), do đó cần phải đầu tư bổ sung sớm nhằm đảm bảo đồng bộ hệ thống thoát nước thải để đảm bảo nhu cầu sử dụng cần thiết cho người dân khi dự án đưa vào sử dụng.

6. Trạm xử lý nước thải:

- Trạm xử lý nước thải có công suất 1.335 m³/ngày đêm, diện tích xây dựng cụm bể xử lý khoảng 622,91 m²; kết cấu bằng BTCT đá 1x2 B25 (M350).

- Hồ sự cố (H-01): Dạng hình thang theo mặt cắt ngang, diện tích xây dựng khoảng 511,0 m², diện tích đáy 163,18 m², chiều sâu hố khoảng 4,5m. Hồ có cấu tạo các lớp: Tấm HDPE dày 1,5mm, lớp vải địa kỹ thuật, đất nền tự nhiên.

- Bể gom và hố bơm nước hồ sự cố (T01A và T14): Hình chữ nhật có diện tích khoảng 19,5 m², cao khoảng 4,8m; kết cấu bằng BTCT đá 1x2 B20 (M250).

- Nhà điều hành, điều khiển, đặt máy thổi khí (N01, N02, N03): Quy mô 01 tầng, diện tích xây dựng khoảng 74,34 m²; kết cấu móng nhà được xây dựng trên nắp cụm bể; cột, dầm, lanh tô, ô văng, sênô, sàn mái dùng BTCT; tường xây bằng gạch không nung; nền sàn nhà quét chống thấm 02 lớp, lát gạch granite; cửa đi, cửa sổ bằng khung nhôm kính cường lực.

- Nhà chứa rác, kho và pha hoá chất, đặt máy ép bùn (N04-N07): Quy mô 01 tầng, diện tích xây dựng khoảng 79,50 m²; kết cấu móng nông BTCT; cột, dầm, sàn mái BTCT; tường xây bằng gạch không nung; ram dốc bằng BTCT; bậc tam cấp lát đá granite; nền sàn nhà lát gạch granite; cửa đi, cửa sổ bằng nhôm kính cường lực, cửa D2 khung sắt hộp bọc tôn.

- Nhà xử lý mùi và chứa cát (N08): Quy mô 01 tầng, diện tích xây dựng khoảng 29,14 m²; kết cấu móng nông BTCT; dầm, giằng bằng BTCT; hệ khung cột, vì kèo, xà gồ và hệ bao che xung quanh nhà bằng thép hình; mái lợp tôn; tường xây gạch không nung; nền sàn nhà bằng bê tông đá 1x2 B15 (M200).

- Nhà đặt máy phát điện (N09): Quy mô 01 tầng, diện tích xây dựng khoảng 24,42 m²; kết cấu móng nông BTCT; cột, dầm, giằng, lanh tô, sênô, mái bằng BTCT; tường xây gạch không nung; nền sàn nhà lát gạch granite; cửa bằng nhôm kính cường lực.

- Nhà để xe (N10): Quy mô 01 tầng, diện tích xây dựng khoảng 18,40 m²; kết cấu móng nông BTCT; dầm, giằng bằng BTCT; hệ khung cột, vì kèo, xà gồ bằng thép hình; mái lợp tôn; nền sàn nhà bằng bê tông đá 1x2 B15 (M200).

- Nhà bảo vệ (N11): Quy mô 01 tầng, diện tích xây dựng khoảng 9,0 m²; kết cấu móng nông BTCT; cột, dầm, giằng, lanh tô, sênô bằng BTCT; tường xây gạch không nung; khung kèo, xà gồ thép hình; mái lợp tôn; trần thạch cao khung xương nổi; nền sàn nhà lát gạch granite; cửa đi, cửa sổ bằng nhôm kính cường lực.

- Xây dựng các công trình phụ trợ khác trong khu xử lý nước thải gồm: Sân đường nội bộ (diện tích khoảng 186,44 m²); cây xanh thảm cỏ (diện tích khoảng 345,08 m²); hàng rào: Chiều dài khoảng 176m; kết cấu móng nông BTCT; cột thép hình; tường hàng rào bằng lưới thép mạ kẽm; cổng: kết cấu móng nông BTCT; cột bằng BTCT có ốp gạch xây không nung; cửa tự động điều khiển bằng tay dạng xếp inox 304; hệ thống cấp thoát nước, hệ thống cấp điện toàn khu, thông tin liên lạc, chống sét.

7. Hệ thống cấp điện – điện chiếu sáng:

7.1. Đường dây hạ thế:

- Tuyến đường dây hạ thế đi ngầm trong đất, sử dụng cáp CXV/DSTA-3x150+1x95 mm², CXV/DSTA-3x50+1x35 mm², tủ phân phối bố trí dọc tuyến.

- Đầu tư bổ sung hệ thống đường dây hạ thế và tủ phân phối trên Đường D4 (*bố trí dọc theo vỉa hè đoạn qua dự án*) để đảm bảo đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật và đảm bảo nhu cầu sử dụng cần thiết cho người dân do Đường D4 đã thi công hoàn thiện nhưng chưa đầu tư hệ thống đường dây hạ thế, tủ phân phối.

- Hiện nay, hệ thống cấp điện hạ thế dọc theo 02 tuyến Đường D6, Đường N12 chưa được đầu tư (*02 tuyến đường này nằm ngoài ranh dự án và do Ban Quản lý dự án Khu vực 04 làm chủ đầu tư*), do đó cần phải đầu tư bổ sung sớm nhằm đảm bảo đồng bộ hệ thống cấp điện hạ thế để đảm bảo nhu cầu sử dụng cần thiết cho người dân khi dự án đưa vào sử dụng.

7.2. Hệ thống chiếu sáng:

- Đường dây chiếu sáng đi ngầm trong đất, sử dụng cáp CXV/DSTA

0,6/1kV -4x16mm² bố trí dọc tuyến; trụ đèn chiếu sáng sử dụng trụ STK hình tròn côn dày 4,0mm cao 8m, 10m; sử dụng loại đèn đường đèn Led 60W, Led 120W, Led 150W; kết cấu móng trụ đèn bằng BTCT đá 1x2 B15 (M200).

7.3. Hệ thống đường dây trung thế và trạm biến áp: Đã được Sở Công Thương thẩm định và có Thông báo số 22/SCT-QLNL ngày 04/3/2026 về việc thông báo kết quả thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở hạng mục cấp điện (đường dây và trạm biến áp) thuộc Khu tái định cư tại thị trấn Dầu Giây, huyện Thống Nhất.

8. Hệ thống thông tin liên lạc:

- Nguồn thông tin liên lạc được kết nối vào mạng viễn thông chung của khu vực, sử dụng ống nhựa uPVC, HDPE đi ngầm trong vỉa hè, hào kỹ thuật kết hợp hố ga bằng BTCT để chờ luôn hệ thống cáp thông tin liên lạc vào.

- Hiện nay, hệ thống thông tin liên lạc dọc theo 02 tuyến Đường D6, Đường N12 chưa được đầu tư (*02 tuyến đường này nằm ngoài ranh dự án và do Ban Quản lý dự án Khu vực 04 làm chủ đầu tư*), do đó cần phải đầu tư bổ sung sớm nhằm đảm bảo đồng bộ hệ thống thông tin liên lạc để đảm bảo nhu cầu sử dụng cần thiết cho người dân khi dự án đưa vào sử dụng.

9. Hào kỹ thuật:

- Hào kỹ thuật ba ngăn được bố trí dọc 2 bên tuyến Đường N11, Đường D7, Đường M7.

- Hào kỹ thuật 3 ngăn (vỉa hè): Kích thước (RxC) 1460x900mm được làm bằng bê tông cốt sợi phi kim, bê tông B30 (M400) theo TCVN 10332:2014, lớp đáy xử dụng bê tông lót đá 1x2 B12.5 (M150) dày 10cm. Tấm đan hào kỹ thuật sử dụng bê tông cốt thép B30 (M400), bố trí ống PVC D90 và nắp chụp chờ đầu nối.

- Hào kỹ thuật 3 ngăn (băng đường): Kích thước (RxC) 1460x940mm được làm bằng bê tông cốt thép B30 (M400), lớp đáy xử dụng bê tông lót đá 1x2 B12.5 (M150) dày 10cm. Tấm đan hào kỹ thuật sử dụng bê tông cốt thép B30 (M400), bố trí ống PVC D90 và nắp chụp chờ đầu nối.

- Hố ga kỹ thuật: Thân hố ga, nắp hố ga sử dụng BTCT đá 1x2 B20 (M250).

1.1.2. Mô tả khái quát về gói thầu

- Tên gói thầu: Gói thầu số 15 (Tư vấn): Giám sát thi công xây dựng và giám sát lắp đặt thiết bị Gói thầu số 14.

- Nguồn vốn thực hiện: Ngân sách thành phố.

- Giá gói thầu được duyệt và đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu đã bao gồm 10% thuế VAT. Nhà thầu phải chào giá đã bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) và 10% thuế VAT. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường

hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.

- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi qua mạng trong nước;
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, hai túi hồ sơ;
- Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: 60 ngày;
- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý II năm 2026;
- Loại hợp đồng: Trọn gói;
- Thời gian thực hiện gói thầu: 600 ngày.

1.2. Mô tả mục đích tuyển chọn nhà thầu

Nhằm tuyển chọn nhà thầu có đầy đủ năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu của E-HSMT để thực hiện Gói thầu số 15 (Tư vấn): Giám sát thi công xây dựng và giám sát lắp đặt thiết bị Gói thầu số 14 thuộc dự án Khu tái định cư tại thị trấn Dầu Giây, huyện Thống Nhất đạt yêu cầu, hoàn thành đúng tiến độ, khối lượng và chất lượng theo quy định.

II. Phạm vi công việc

2.1. Phạm vi công việc tư vấn giám sát:

- Thực hiện giám sát công tác thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị công trình đối với các hạng mục xây dựng, cung cấp thiết bị thuộc phạm vi công việc của Gói thầu số 14 (Xây dựng và cung cấp hàng hóa): Thi công xây dựng các hạng mục Hạ tầng kỹ thuật; Lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình Trạm xử lý nước thải; Cung cấp, lắp đặt thiết bị cấp điện, thiết bị trạm xử lý nước thải thuộc dự án Khu tái định cư tại thị trấn Dầu Giây, huyện Thống Nhất.

- Tóm tắt công việc chính của Gói thầu số 14 (xây dựng và mua sắm hàng hóa), bao gồm: Thi công Xây dựng các hạng mục Hạ tầng kỹ thuật. (Bao gồm Giao thông - cây xanh, san nền, cấp nước, cấp điện, chiếu sáng, thoát nước mưa, thoát nước thải, thông tin liên lạc, hào kỹ thuật, trạm xử lý nước thải); Lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình Trạm xử lý nước thải; Cung cấp, lắp đặt thiết bị cấp điện, thiết bị trạm xử lý nước thải, thiết bị trạm bơm thoát nước thải (bao gồm số lượng và danh mục chủng loại thiết bị theo Phụ lục II đính kèm).

2.2. Nội dung nhiệm vụ công việc tư vấn giám sát:

- Thực hiện các nội dung giám sát thi công xây dựng công trình và cung cấp lắp đặt thiết bị đảm bảo tuân thủ quy định tại Luật Xây dựng, Điều 19 Nghị định 06/2021/NĐ-CP và các quy định liên quan khác. Bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung sau:

a) Kiểm tra sự phù hợp năng lực của nhà thầu thi công xây dựng công trình so với hồ sơ dự thầu và hợp đồng xây dựng, bao gồm: nhân lực, thiết bị thi công, phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, hệ thống quản lý chất lượng của nhà thầu thi công xây dựng công trình;

b) Kiểm tra biện pháp thi công xây dựng của nhà thầu so với thiết kế biện pháp thi công đã được phê duyệt. Chấp thuận kế hoạch tổng hợp về an toàn, các biện pháp đảm bảo an toàn chi tiết đối với những công việc đặc thù, có nguy cơ mất an toàn lao động cao trong thi công xây dựng công trình;

c) Xem xét và chấp thuận các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 13 Nghị định 06/2021/NĐ-CP do nhà thầu trình và yêu cầu nhà thầu thi công chỉnh sửa các nội dung này trong quá trình thi công xây dựng công trình cho phù hợp với thực tế và quy định của hợp đồng;

d) Kiểm tra và chấp thuận vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng, thiết bị lắp đặt vào công trình;

đ) Kiểm tra, đôn đốc nhà thầu thi công xây dựng công trình và các nhà thầu khác thực hiện công việc xây dựng tại hiện trường theo yêu cầu của thiết kế xây dựng và tiến độ thi công của công trình;

e) Giám sát việc thực hiện các quy định về quản lý an toàn trong thi công xây dựng công trình; giám sát các biện pháp đảm bảo an toàn đối với công trình lân cận, công tác quan trắc công trình;

g) Đề nghị chủ đầu tư tổ chức điều chỉnh thiết kế khi phát hiện sai sót, bất hợp lý về thiết kế;

h) Yêu cầu nhà thầu tạm dừng thi công khi xét thấy chất lượng thi công xây dựng không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, biện pháp thi công không đảm bảo an toàn, vi phạm các quy định về quản lý an toàn lao động làm xảy ra hoặc có nguy cơ xảy ra tai nạn lao động, sự cố gây mất an toàn lao động; chủ trì, phối hợp với các bên liên quan giải quyết những vướng mắc, phát sinh trong quá trình thi công xây dựng công trình và phối hợp xử lý, khắc phục sự cố theo quy định của Nghị định 06/2021/NĐ-CP;

i) Kiểm tra, đánh giá kết quả thí nghiệm kiểm tra vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng trong quá trình thi công xây dựng và các tài liệu khác có liên quan phục vụ nghiệm thu; kiểm tra và xác nhận bản vẽ hoàn công;

k) Tổ chức thí nghiệm đối chứng, kiểm định chất lượng bộ phận công trình, hạng mục công trình, công trình xây dựng theo quy định tại Điều 5 Nghị định 06/2021/NĐ-CP (nếu có);

l) Thực hiện các công tác nghiệm thu theo quy định tại các Điều 21, 22, 23 Nghị định 06/2021/NĐ-CP; kiểm tra và xác nhận khối lượng thi công xây dựng hoàn thành;

m) Thực hiện các nội dung khác theo quy định của hợp đồng xây dựng.

- Xây dựng hệ thống quản lý chất lượng và có đủ nhân sự thực hiện giám sát tại công trường phù hợp với quy mô, yêu cầu của công việc thực hiện giám sát.

- Kiểm tra chứng chỉ xuất xưởng, nguồn gốc xuất xứ, chứng nhận chất lượng thiết bị, hàng hóa (nếu có); giám sát công tác cung cấp, lắp đặt thiết bị công trình; kiểm tra, nghiệm thu, chạy thử theo quy định.

- Tham gia các cuộc họp theo yêu cầu của Chủ đầu tư và các cơ quan chức năng trong quá trình thực hiện hợp đồng.

2.3. Nội dung khác:

Lập báo cáo về công tác giám sát thi công xây dựng công trình theo nội dung quy định tại Phụ lục IV Nghị định 06/2021/NĐ-CP gửi chủ đầu tư và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực, khách quan đối với những nội dung trong báo cáo này.

Báo cáo được lập trong các trường hợp sau:

a) Báo cáo định kỳ hoặc báo cáo theo giai đoạn thi công xây dựng: theo quy định tại Phụ lục IVa Nghị định 06/2021/NĐ-CP.

b) Báo cáo khi tổ chức nghiệm thu giai đoạn, nghiệm thu hoàn thành gói thầu, hạng mục công trình, công trình xây dựng: theo quy định tại Phụ lục IVb Nghị định 06/2021/NĐ-CP.

c) Lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình Trạm xử lý nước thải

d) Báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Chủ đầu tư và các cơ quan chức năng có thẩm quyền.

- Nhà thầu có trách nhiệm hoàn thiện báo cáo theo yêu cầu của Chủ đầu tư hoặc của cơ quan chức năng (nếu có).

- Giải trình, làm rõ các nội dung liên quan đến công việc tư vấn giám sát khi có yêu cầu của chủ đầu tư, cơ quan chức năng (nếu có).

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ đầu tư về kết quả công việc do mình thực hiện.

- Thực hiện các nội dung công việc khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

2.3. Dự kiến thời gian chuyên gia bắt đầu thực hiện DVTV: Kể từ khi hợp đồng có hiệu lực.

III. Báo cáo và thời gian thực hiện

3.1. Các báo cáo phải nộp (số lượng hồ sơ này được tính khi đã hoàn chỉnh và đã được cấp có thẩm quyền chấp thuận)

- Báo cáo định kỳ hoặc báo cáo theo giai đoạn thi công xây dựng: Theo thời gian thực hiện và nghiệm thu, mỗi lần 01 bộ.

- Báo cáo khi tổ chức nghiệm thu giai đoạn, nghiệm thu hoàn thành gói thầu, hạng mục công trình, công trình xây dựng: Theo số lần nghiệm thu, mỗi lần 05 bộ.

- Báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Chủ đầu tư và các cơ quan chức năng có thẩm quyền: Theo số lần báo cáo, mỗi lần 01 bộ.

3.2. Tiến độ nộp báo cáo

- Báo cáo định kỳ hoặc báo cáo theo giai đoạn thi công xây dựng: Định kỳ hàng tháng, hàng quý (trước ngày mùng 5 của tháng, quý tiếp theo) Tư vấn giám sát có báo cáo gửi Chủ đầu tư về tình hình thi công, khối lượng công việc hoàn thành, dự kiến khối lượng kỳ tiếp theo, các khó khăn vướng mắc và đề xuất phương án xử lý (nếu có).

- Báo cáo khi tổ chức nghiệm thu giai đoạn, nghiệm thu hoàn thành gói thầu, hạng mục công trình, công trình xây dựng: Trong vòng 3 ngày, sau khi nhà thầu có yêu cầu nghiệm thu.

- Báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Chủ đầu tư và các cơ quan chức năng có thẩm quyền: Theo tiến độ và yêu cầu cụ thể.

IV. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu

Về kinh nghiệm năng lực của nhà thầu và nhân sự cần thiết cho gói thầu:

- Nhà thầu phải đáp ứng các yêu cầu về năng lực kinh nghiệm, và bố trí đầy đủ các nhân sự được quy định cụ thể tại Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT.

Ghi chú:

- Tất cả các tài liệu dùng để chứng minh năng lực và kinh nghiệm, nhân sự như đã nêu trên là bản gốc hoặc bản sao được công chứng, chứng thực; ngoài việc phải gửi đầy đủ kèm theo E-HSDT thì đề nghị nhà thầu phải chuẩn bị sẵn Bản gốc của các tài liệu này để Bên mời thầu tiến hành đối chiếu xác minh khi cần thiết trong quá trình đánh giá E-HSDT. Nếu không có Bản gốc để đối chiếu nhà thầu sẽ bị đánh giá là không đạt.

V. Trách nhiệm của Chủ đầu tư

- Theo quy định lại Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014, Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/06/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng.

- Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ.

- Và các quy định pháp luật khác có liên quan.